

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao quyền tự chủ tài chính (giai đoạn 2023 – 2025)
của đơn vị sự nghiệp công theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 5217/UBND-KT ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ủy ban nhân dân quận;

Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận về phân giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1284/TTr-TCKH ngày 13 tháng 11 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ tài chính (giai đoạn 2023-2025) cho 72 đơn vị sự nghiệp công theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, cụ thể:



- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2): 07 đơn vị (chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3): 64 đơn vị (chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

- Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): 01 đơn vị (chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công khi được giao tự chủ:

- Đơn vị sự nghiệp công được giao tự chủ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

- Bảo đảm chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.

- Thực hiện quy định công khai; trách nhiệm giải trình hoạt động và số liệu thu, chi khi lập phương án tự chủ tài chính của đơn vị trước Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng năm, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị cho Ủy ban nhân dân quận theo quy định.

Điều 3. Trong thời gian được giao tự chủ tài chính (giai đoạn 2023-2025), nếu có thay đổi nhiệm vụ ảnh hưởng đến dự toán thu – chi so với quyết định giao, Thủ trưởng đơn vị cùng Phòng Tài chính – Kế hoạch xem xét thống nhất trình Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng các đơn vị nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Kiem*

Nơi nhận:

- Như điều 4; “để thực hiện”
- Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Quận ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND;
- CT UB.MTTQVN quận; “để giám sát”
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu: VP; (N).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trí Dũng

**PHỤ LỤC GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 (NHÓM 2)**

(Đính kèm Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận)

TT	Đơn vị	Tổng thu sự nghiệp (A) (Dự toán thu năm 2023)	Tổng chi sự nghiệp (B) (Dự toán chi năm 2023)	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (A/B)(%)	Nhóm	Ghi chú
Khối đơn vị sự nghiệp kinh tế						
	Tự bảo đảm chi TX					
1	Ban quản lý CHợ Hạnh Thông Tây	2.038.400.000	1.279.589.996	159%	2	Tự bảo đảm chi thường xuyên
2	Ban quản lý Chợ An Nhơn	1.417.000.000	1.119.239.363	127%	2	Tự bảo đảm chi thường xuyên
3	Ban quản lý Chợ Xóm Mới	533.400.000	533.400.000	100%	2	Tự bảo đảm chi thường xuyên
4	Ban quản lý Chợ Gò Vấp	1.369.000.000	1.369.000.000	100%	2	Tự bảo đảm chi thường xuyên
5	Ban quản lý Chợ Tân Sơn Nhất	687.000.000	686.099.137	100%	2	Tự bảo đảm chi thường xuyên
6	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực	5.800.000.000	2.207.667.682	263%	2	Tự bảo đảm chi thường xuyên
7	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng	43.956.487.089	34.840.259.247	126%	2	Tự bảo đảm chi thường xuyên



**PHỤ LỤC GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ ĐẢM BẢO MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 (NHÓM 3)**

(Đính kèm Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận)

TT	Đơn vị	Tổng thu sự nghiệp (A) (Dự toán thu năm 2023)	Tổng chi sự nghiệp (B) (Dự toán chi năm 2023)	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (A/B)(%)	Nhóm	Ghi chú
A. Khối đơn vị sự nghiệp giáo dục-đào tạo						
I. Khối Mầm non						
a	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30%					
1	Hoa Quỳnh	2.464.647.423	9.121.318.227	27%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
2	Hoa Lan	3.532.093.375	12.285.096.435	29%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
3	Họa Mi	2.687.540.647	11.571.046.304	23%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
4	Sơn Ca	2.522.935.000	12.037.424.879	21%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
5	Thủy Tiên	2.588.814.875	11.107.515.396	23%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
6	Hướng Dương	3.109.471.000	11.799.642.088	26%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
7	Sen Hồng	2.112.767.683	9.909.728.270	21%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
8	Hoa Sen	2.384.185.000	8.153.966.595	29%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
9	Hoàng Yến	3.221.623.000	12.760.502.569	25%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
10	Ngọc Lan	2.670.741.821	9.655.335.371	28%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
11	Nhật Quỳnh	3.465.250.000	12.148.203.167	29%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
12	Hoa Hồng	3.627.748.454	12.517.197.888	29%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
13	Hồng Nhung	5.223.971.000	17.924.174.180	29%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
14	Hoa Phượng Đỏ	3.179.663.683	11.756.995.959	27%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
15	Tường Vi	1.782.286.875	6.174.816.689	29%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
b	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%					
1	Quỳnh Hương	2.904.449.000	9.527.526.230	30%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
2	Anh Đào	8.087.360.500	22.552.316.147	36%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
3	Vàng Anh	4.795.851.875	15.512.855.216	31%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
4	Hương Sen	3.251.631.568	10.629.558.832	31%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
5	Hạnh Thông Tây	5.127.599.852	15.565.364.637	33%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên

TT	Đơn vị	Tổng thu sự nghiệp (A) (Dự toán thu năm 2023)	Tổng chi sự nghiệp (B) (Dự toán chi năm 2023)	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (A/B)(%)	Nhóm	Ghi chú
6	An Nhơn	2.602.344.000	8.678.410.354	30%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
7	Sóc Nầu	6.771.737.875	16.930.835.444	40%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
8	Mai Vàng	3.355.330.407	7.566.160.842	44%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
II. Khối Tiểu học						
a	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30%					
1	Lê Thị Hồng Gấm	3.318.146.314	14.020.515.675	24%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
b	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%					
1	Nguyễn Thượng Hiền	9.858.936.800	31.624.604.894	31%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
2	Trần văn Ôn	10.217.893.000	22.352.153.576	46%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
3	Phạm Ngũ Lão	6.926.192.303	17.533.320.722	40%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
4	Hanh Thông	7.984.422.500	19.945.690.638	40%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
5	Nguyễn Viết Xuân	9.848.174.303	26.069.119.684	38%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
6	Trần Quốc Toàn	5.406.724.303	15.196.946.096	36%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
7	Kim Đồng	15.500.525.696	25.411.057.942	61%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
8	Chi Lăng	15.808.280.879	29.801.444.475	53%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
9	Minh Khai	11.572.076.373	22.746.410.276	51%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
10	Lương Thế Vinh	13.875.745.515	32.789.418.752	42%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
11	An Hội	12.640.130.000	39.214.180.627	32%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
12	Lam Sơn	9.457.412.773	24.114.567.485	39%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
13	Lê Hoàn	10.145.009.623	22.812.375.626	44%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
14	Phan Chu Trinh	9.382.855.442	30.402.032.315	31%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
15	Võ thị Sáu	19.742.690.323	44.044.427.646	45%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
16	Trần Quang Khải	5.461.318.866	17.115.710.040	32%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
17	Hoàng Văn Thụ	5.794.733.626	18.217.650.640	32%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
18	Lê Quý Đôn	12.354.137.184	24.353.127.561	51%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
19	Lê Văn Thọ	7.761.768.136	14.604.216.283	53%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
c	Tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100%					
1	Lê Đức Thọ	20.393.325.784	26.754.184.998	76%	3	Tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên
III. Khối Trung học cơ sở						
a	Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%					
1	Nguyễn Văn Trỗi	9.999.032.435	32.098.110.142	31%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên

TT	Đơn vị	Tổng thu sự nghiệp (A) (Dự toán thu năm 2023)	Tổng chi sự nghiệp (B) (Dự toán chi năm 2023)	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (A/B)(%)	Nhóm	Ghi chú
2	Gò Vấp	7.454.011.135	22.500.897.944	33%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
3	Quang Trung	16.362.648.891	41.024.461.642	40%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
4	Phạm Văn Chiêu	15.071.260.000	43.244.030.480	35%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
5	Phan Tây Hồ	23.351.851.364	49.384.192.080	47%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
6	An Nhơn	15.384.433.296	36.827.295.444	42%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
7	Nguyễn Du	16.217.490.000	38.592.405.084	42%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
8	Nguyễn Văn Nghi	10.912.678.112	28.541.378.716	38%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
9	Lý Tự Trọng	15.651.060.000	38.667.831.264	40%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
10	Thông Tây Hội	7.343.126.000	23.678.993.840	31%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
11	Trường Sơn	6.793.831.111	16.230.829.753	42%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
12	Nguyễn Trãi	17.850.600.000	47.621.982.013	37%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
13	Tân Sơn	11.512.804.000	30.978.819.206	37%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
14	Huỳnh Văn Nghệ	13.848.075.364	34.204.937.514	40%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
15	Phan Văn Trị	19.550.812.136	32.592.756.221	60%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
IV. Khối đào tạo:						
a	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30%					
1	Trung tâm GDNN-GDTX	2.539.900.000	12.924.401.812	20%	3	Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
b	Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100%					
1	Trung cấp nghề Quang Trung	12.062.472.000	14.262.355.124	85%	3	Tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên
B. Khối đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao:						
a	Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%					
1	Trung Tâm Văn hóa -Thể thao	1.624.000.000	4.538.788.000	36%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
b	Tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100%					
1	Nhà Thiếu Nhi	3.505.498.431	4.875.498.431	72%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên
C. Khối đơn vị sự nghiệp y tế:						
	Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%					
1	Trung tâm Y tế	17.826.000.000	44.708.300.000	40%	3	Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên



ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Phụ lục 03

**PHỤ LỤC GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 (NHÓM 4)**

(Đính kèm Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận)

TT	Đơn vị	Tổng thu sự nghiệp (A) (Dự toán thu năm 2023)	Tổng chi sự nghiệp (B) (Dự toán chi năm 2023)	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (A/B)(%)	Nhóm	Ghi chú
	Do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
1	GDCB Hy Vọng	61.261.223	6.231.903.756	1%	4	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên